

Bản án số: 05/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 20-02-2024

V/v ly hôn và tranh chấp về nuôi con khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÙ LAO DUNG, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Phước Tuấn.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Thành Tâm.

Bà Lê Thị Thanh Nhã.

- Thư ký phiên tòa: Ông Tô Văn Thừa – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Ông Đỗ Minh Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 02 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 171/2023/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 10 năm 2023 về việc ly hôn và tranh chấp về nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 67/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 12 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Huỳnh Thị T1, sinh năm 1980.

Địa chỉ: Ấp T, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng (có mặt).

- Bị đơn: Anh Nguyễn Tấn V, sinh năm 1982.

Địa chỉ: Ấp T, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 15 tháng 9 năm 2023 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn chị Huỳnh Thị T1 trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị T1 và anh Nguyễn Tấn V tự nguyện tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn vào ngày 26/02/2003 tại Ủy ban nhân dân xã A theo quy định của pháp luật. Thời gian đầu chị T1 và anh V chung sống với nhau rất hạnh phúc đến tháng 5/2022 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng ý kiến với nhau trong cuộc sống nên cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc. Chị T1 và anh V không còn sống chung từ tháng 5/2022 cho đến nay.

Về con chung: Trong thời gian chung sống, chị T1 và anh V có 02 người con chung tên Nguyễn Ngọc T2, sinh ngày 05/02/2007 và Nguyễn Tấn T3, sinh ngày 05/02/2014. Hiện nay cháu T2 và cháu T3 đang sống chung với gia đình chị T1.

Về tài sản chung và nợ chung: Tự thỏa thuận.

Nay chị T1 yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị T1 yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Tấn V.
- Về con chung: Chị T1 yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung tên Nguyễn Ngọc T2, sinh ngày 05/02/2007 cho đến khi cháu T2 thành niên, chị T1 không yêu cầu anh V phải cấp dưỡng nuôi cháu T2 đến tròn 18 tuổi; chị T1 thống nhất giao con chung tên Nguyễn Tấn T3, sinh ngày 05/02/2014 cho anh V trực tiếp nuôi dưỡng đến khi cháu T3 thành niên và chị T1 không phải cấp dưỡng nuôi cháu T3.
- Về tài sản chung và nợ chung: Chị T1 và anh V tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, chị T1 trình bày và thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện như sau: Về con chung, hiện nay hai con chung đang sống chung với anh V và các con chung có nguyện vọng được sống chung với anh V nên chị T1 đồng ý giao hai con chung cho anh V trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi thành niên, chị T1 không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã ban hành thông báo thụ lý vụ án số: 171/TB-TLVA ngày 24 tháng 10 năm 2023, tổng đạt hợp lệ cho bị đơn anh Nguyễn Tấn V, nhưng anh V không có văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của chị T1. Tòa án đã tiến hành triệu tập hợp lệ đối với anh V để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh V vắng mặt không có lý do, chị T1 có đơn yêu cầu Tòa án mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và không tiến hành hòa giải nên Tòa án lập biên bản không tiến hành hòa giải được và cũng không có lời khai của anh V trong hồ sơ vụ án.

* Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự, trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, riêng bị đơn chưa thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án, xét thấy nguyên đơn, bị đơn thường xuyên mâu thuẫn với nhau do bất đồng quan điểm sống, không còn sống chung với nhau thời gian dài, không hàn gắn được nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn.

- Về con chung: Chị T1 và anh V có 02 người con chung tên Nguyễn Ngọc T2, sinh ngày 05/02/2007 và Nguyễn Tấn T3, sinh ngày 05/02/2014. Hiện nay, cháu T2 và cháu T3 đang sống chung với anh V. Tại văn bản ghi nhận ý kiến của

cháu T2 và cháu T3 do Tòa án lập cùng ngày 15/11/2023, thì cháu T2 và cháu T3 có nguyện vọng được sống chung với cha là anh V. Để cháu T2 và cháu T3 ổn định và tránh bị xáo trộn về cuộc sống. Căn cứ vào khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình, đề nghị Hội đồng xét xử giao cháu Nguyễn Ngọc T2, sinh ngày 05/02/2007 và Nguyễn Tấn T3, sinh ngày 05/02/2014 cho anh V trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi thành niên là phù hợp, anh V không yêu cầu chị T1 cấp dưỡng nuôi con chung nên không đặt ra xem xét. Căn cứ vào khoản 1 Điều 81; khoản 1, 3 Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình, giành quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung cho chị T1.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

- Về án phí: Chị T1 có đơn yêu cầu ly hôn nên phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Từ những phân tích trên đề nghị Hội đồng xét xử nghị án và tuyên án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về thủ tục thụ lý đơn khởi kiện của nguyên đơn và thẩm quyền giải quyết: Chị Huỳnh Thị T1 và anh Nguyễn Tấn V cùng cư trú tại ấp T, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng. Chị T1 có đơn khởi kiện yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Tấn V và tranh chấp về việc nuôi con chung. Chị T1 đã nộp đơn khởi kiện tại Tòa án nhân dân huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng và các tài liệu, chứng cứ kèm theo, Tòa án nhân dân huyện Cù Lao Dung đã thụ lý đơn khởi kiện và thông báo cho chị T1 nộp tiền tạm ứng án phí theo quy định của pháp luật và chị T1 đã thực hiện việc nộp tiền tạm ứng án phí đúng quy định. Như vậy, việc Tòa án nhân dân huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng thụ lý đơn khởi kiện của chị Huỳnh Thị T1 là đúng thẩm quyền và đúng theo trình tự thủ tục tố tụng theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 191 và Điều 195 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Bị đơn anh Nguyễn Tấn V đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai và vắng mặt không có lý do nên căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn anh Nguyễn Tấn V.

[1.3] Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện như sau: Về con chung, hiện nay hai con chung tên Nguyễn Ngọc T2, sinh ngày 05/02/2007 và Nguyễn Tấn T3, sinh ngày 05/02/2014 đang sống chung với anh V nên chị T1 đồng ý giao hai con chung cho anh V trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi thành niên, chị T1 không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Xét thấy, việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn không vượt quá yêu cầu khởi kiện ban đầu,

căn cáo vào khoản 1 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2] Về nội dung:

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Huỳnh Thị T1, sinh năm 1980 và anh Nguyễn Tấn V, sinh năm 1982 tự nguyện đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng cấp giấy chứng nhận kết hôn số 08 ngày 26 tháng 02 năm 2003 nên quan hệ hôn nhân giữa chị Huỳnh Thị T1 và anh Nguyễn Tấn V là hợp pháp.

[4] Xét lý do xin ly hôn của chị Huỳnh Thị T1, Hội đồng xét xử xét thấy, sau khi kết hôn cuộc sống vợ chồng chị T1 và anh V hạnh phúc được một thời gian. Đến tháng 5 năm 2022, thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng ý kiến trong cuộc sống nên vợ chồng không còn hạnh phúc, chị T1 và anh V không còn sống chung từ tháng 5 năm 2022 cho đến nay. Chị T1 và anh V đã bỏ mặc nhau làm cho tình trạng hôn nhân của vợ chồng chị T1 và anh V trở nên trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên căn cứ vào quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T1.

[5] Về con chung: Chị T1 và anh V có 02 người con chung tên Nguyễn Ngọc T2, sinh ngày 05/02/2007 và Nguyễn Tấn T3, sinh ngày 05/02/2014. Hiện nay, cháu T2 và cháu T3 đang sống chung với anh V. Tại văn bản ghi nhận ý kiến của cháu T2 và cháu T3 do Tòa án lập cùng ngày 15/11/2023, thì cháu T2 và cháu T3 có nguyện vọng được sống chung với cha là anh V. Để cháu T2 và cháu T3 ổn định và tránh bị xáo trộn về cuộc sống. Căn cứ vào khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử quyết định giao cháu Nguyễn Ngọc T2, sinh ngày 05/02/2007 và Nguyễn Tấn T3, sinh ngày 05/02/2014 cho anh V trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi thành niên là phù hợp, đúng quy định của pháp luật.

[6] Về cấp dưỡng nuôi con: Trong quá trình giải quyết vụ án, anh V, chị T1 không yêu cầu Tòa án giải quyết về cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[7] Căn cứ vào khoản 1 Điều 81, khoản 1, 3 Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình, chị Huỳnh Thị T1 có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung mà không ai được cản trở. Chị T1 không được lạm dụng việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung của anh V.

[8] Về tài sản chung, nợ chung: Chị T1 không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[9] Xét đề nghị của Kiểm sát viên về nội dung giải quyết vụ án là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[10] Về án phí: Chị Huỳnh Thị T1 là người có đơn xin ly hôn nên căn cứ vào khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban

Thường vụ Quốc hội, chị T1 phải chịu án phí sơ thẩm trong vụ án ly hôn là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; khoản 4 Điều 147 và khoản 1 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Khoản 1 Điều 56; khoản 1, 2 Điều 81; khoản 1, 3 Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Huỳnh Thị T1 và anh Nguyễn Tấn V ly hôn.

2. Về con chung: Giao con chung tên Nguyễn Ngọc T2, sinh ngày 05/02/2007 và Nguyễn Tấn T3, sinh ngày 05/02/2014 cho anh Nguyễn Tấn V trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi thành niên. Chị Huỳnh Thị T1 có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung mà không ai được cản trở. Chị T1 không được lạm dụng việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung của anh V.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Anh V, chị T1 không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

4. Về tài sản chung, nợ chung: Chị T1 không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

5. Về án phí: Chị Huỳnh Thị T1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn 300.000 đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0011147 ngày 17 tháng 10 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng. Như vậy, chị Huỳnh Thị T1 đã nộp xong án phí.

6. Nguyên đơn có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; riêng bị đơn có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử theo trình tự phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Cù Lao Dung;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cù Lao Dung;
- TAND tỉnh Sóc Trăng (P.KTNV & THA);
- UBND xã A, huyện C;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu Tòa án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
Đã ký**

Đặng Phước Tuấn